

AGRICULTURAL POLICY IN SOUTHERN VIETNAM FROM 1945 TO 1954: REALITY AND EXPERIENCE

Nguyen Van Kham^{1*}, Bui Hoang Tan²

¹University of Social Sciences & Humanities - Vietnam National University Ho Chi Minh City

²Can Tho University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	03/12/2024	Agriculture in Southern Vietnam from 1945 to 1954 played an essential role in Vietnam's economy. Agricultural development policies were crucial for production, changing the structure between economic sectors in the South and food security nationwide, especially as Vietnam was simultaneously engaged in resistance and nation-building efforts. This article aims to clarify the role of the agricultural development policies implemented by the revolutionary government in Southern Vietnam, as well as the exploitative economic policies of the French colonial administration from 1945 to 1954. The author primarily applied historical and logical research methods in this study to show that agricultural development policy has a dialectical relationship with the economy in general and agriculture in particular. The results highlight the role of agricultural policies in Vietnam's economic development strategy, in general, and in Southern Vietnam from 1945 to 1954, in particular. These findings also provide valuable lessons for modern agricultural policy formulation in Vietnam.
Revised:	27/3/2025	
Published:	28/3/2025	
KEYWORDS		
Agricultural policy		
Southern Vietnam		
1945-1954		
Democratic Republic of Vietnam		
French colonialism		

CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP Ở NAM BỘ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954: THỰC TRẠNG VÀ KINH NGHIỆM

Nguyễn Văn Kham^{1*}, Bùi Hoàng Tân²

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, ²Trường Đại học Cần Thơ

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	03/12/2024	Nông nghiệp Nam Bộ giai đoạn 1945 – 1954 giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Chính sách phát triển nông nghiệp giữ vị trí trọng yếu trong quá trình sản xuất, làm thay đổi cơ cấu giữa các ngành kinh tế ở miền Nam và đảm bảo an ninh lương thực cả nước trong bối cảnh Việt Nam vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Mục đích của bài báo này là làm sáng tỏ vai trò của chính sách phát triển nông nghiệp của chính quyền cách mạng tại Nam Bộ và chính sách vơ vét kinh tế của chính quyền thực dân Pháp giai đoạn 1945-1954. Trong nghiên cứu này, tác giả tiếp cận phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic để cho thấy rằng chính sách phát triển nông nghiệp có mối quan hệ biện chứng với kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng. Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ vai trò của chính sách nông nghiệp trong chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng giai đoạn 1945-1954, qua đó góp phần đúc kết bài học kinh nghiệm trong hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp Việt Nam sau này.
Ngày hoàn thiện:	27/3/2025	
Ngày đăng:	28/3/2025	
TỪ KHÓA		
Chính sách nông nghiệp		
Nam Bộ		
1945-1954		
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa		
Thực dân Pháp		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11645>

* Corresponding author. Email: nvkham@ctu.edu.vn

1. Giới thiệu

Lịch sử Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến 1954 trải qua nhiều biến đổi. Thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta từ tháng 9/1945. Chính quyền cách mạng mới thành lập phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, trong đó vấn đề nông nghiệp được xem là quan trọng nhất. Nam Bộ được xem là vựa lúa lớn nhất nước, các chính sách phát triển nông nghiệp được chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) và thực dân Pháp quan tâm. Đây cũng là vấn đề thu hút nhiều nhà nghiên cứu tiếp cận với nhiều hướng khác nhau.

Nhóm tác giả ở Viện Nghiên cứu Standford [1] cho rằng Chính sách phân chia lại ruộng đất được thực hiện khi Việt Minh được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân trong việc phát động cuộc tấn công vào thực dân Pháp sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc năm 1945. Các địa chủ đã được khuyến khích để hợp tác trong các chính sách này. Nhà nghiên cứu Prosterman, Roy L. [2] lại đề cập nhiều đến vùng nông thôn, là vùng căn cứ cách mạng có thể tiến tới thắng lợi cuối cùng. Nhà nghiên cứu Lâm Quang Huyền [3] lại cho rằng giai đoạn sau Cách mạng Tháng Tám-1945, các biện pháp được Chính phủ đề ra để bồi dưỡng sức dân, chủ yếu là nông dân và bộ đội để đảm bảo kháng chiến lâu dài. Nhà nghiên cứu Lê Thành Khôi [4] nhìn nhận một cách công bằng hơn và dễ dàng hơn, đất đai của giới địa chủ người Việt và người Pháp không tham gia cách mạng cần đem chia cho dân nghèo. Song song đó là ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đề cập đến các chính sách nông nghiệp ở miền Tây, tác giả Võ Văn Sen [5] cho rằng chính quyền cách mạng có nhiều biện pháp mở mang kinh tế, tiêu thụ hàng hóa của nông dân, thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu của họ bằng tự cung tự cấp, cố gắng duy trì sự giao lưu với vùng tạm chiếm, kể cả với thành thị.

Tác giả MacDonald Salter [6] nghiên cứu về tình hình quản lý ruộng đất ở Việt Nam dưới thời cai trị của thực dân, người Pháp đã chuyển thuê đất sang đất tư nhân, điều này làm giảm bớt áp lực thuế đối với đất công. Trong thời gian cai trị, họ đã khai phá những vùng đất rộng lớn ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), phần lớn ruộng đất thuộc sở hữu của các đại địa chủ, trong đó có khoảng 250.000 ha thuộc về người Pháp. Tác giả Andrew J. Gawthorpe [7] thì cho rằng việc phân phối đất đai ở miền Nam chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó chủ điền phản đối sự tái phân phối đất đai cho người dân bởi sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của họ; đó các nhà quản lý chính sách nông nghiệp đã thất bại trước chính sách hiện đại hóa nông nghiệp miền Nam. Nhà nghiên cứu Edwin E. Moise [8] cho rằng quá trình chuyển đổi đất đai trước năm 1954 ở Việt Nam đã xóa bỏ chế độ địa chủ và đưa đất đai vào tay những người nông dân nhỏ, mở đường cho chương trình cải cách ruộng đất, chuyển đổi ruộng đất, thực tế đó còn là cuộc đấu tranh giành quyền lực kinh tế ở nông thôn mà chính quyền VNDCCH thực hiện. Tác giả Đặng Thị Phượng [9] nghiên cứu về chế độ sở hữu đất đai ở Việt Nam, kết quả cho thấy người dân Việt Nam được công nhận quyền sở hữu đất đai thật sự được ghi trong Hiến pháp năm 1946, trên cơ sở đó khẩu hiệu “người cày có ruộng” tiếp tục khẳng định vị trí và vai trò của nông dân trong nền nông nghiệp Việt Nam. Tác giả Hoàng Hữu Nguyên và cộng sự [10] cho rằng có 7 yếu tố gây ra tình trạng suy thoái đất đai ở ĐBSCL, trong đó chính sách của chính phủ về tái định cư và phát triển kinh tế là quan trọng nhất. Trong khi đó, Biggs D. [11] cho rằng môi trường đất và nước ở ĐBSCL chịu tác động rất lớn bởi các hoạt động của con người, do vậy hệ thống kênh đào sẽ đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp.

Nhìn chung, các nghiên cứu đều đề cập đến các biện pháp sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu cho người dân. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu, bài viết này đi sâu vào phân tích vai trò và tác động của chính sách nông nghiệp đến tình hình kinh tế-xã hội Nam Bộ giai đoạn 1945-1954. Qua đó, đúc kết những bài học kinh nghiệm về chính sách phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tiếp cận: nghiên cứu được tiếp cận từ lý thuyết để phản ánh về nền nông nghiệp, qua đó đưa ra những nhận định và đánh giá về tầm quan trọng của nông nghiệp trong

tổng thể các ngành kinh tế nói chung ở Nam Bộ từ năm 1945 đến năm 1954. Các tài liệu được khai thác chủ yếu từ các tác giả trong nước và một số tác giả nước ngoài.

- Phương pháp nghiên cứu:

+ Phương pháp lịch sử: tái hiện lại nền nông nghiệp Nam Bộ trong bối cảnh Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954 và những tác động của chính sách nông nghiệp đối với nền kinh tế nước ta.

+ Phương pháp logic: tổng hợp, hệ thống hóa các nghiên cứu, đồng thời đưa ra những nhận xét và đánh giá khoa học về tầm quan trọng của nền nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế-xã hội nước ta từ năm 1945 đến năm 1954.

+ Ngoài hai phương pháp chủ yếu trên, bài báo còn sử dụng các phương pháp hỗ trợ khác như so sánh, phân tích, tổng hợp.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Chính sách nông nghiệp của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1945-1954

Ngay sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam gặp nhiều khó khăn về kinh tế, chính trị và xã hội. Những chính sách của chính quyền cách mạng là ưu tiên giải quyết các vấn đề kinh tế và an sinh xã hội. “*Một loạt chính sách và biện pháp được Chính phủ đề ra để bồi dưỡng sức dân, mà chủ yếu là nông dân và bộ đội để đảm bảo kháng chiến lâu dài. Cùng với những chính sách khuyến khích sản xuất là những chính sách về ruộng đất*” [4, tr. 25]. Vấn đề chính trong giai đoạn này là chính sách phát triển nông nghiệp, xây dựng lại hệ thống đê điều, khuyến khích phát triển thâm canh tăng vụ, phân phối giống, cải tiến kỹ thuật.

Hội nghị Trung ương Đảng lần II (tháng 01/1949), Đảng Cộng sản Đông Dương tiếp tục đề ra chính sách ruộng đất, tạm cấp ruộng đất của bọn phản quốc chia cho dân cày nghèo, chấn chỉnh lại các đồn điền của Pháp giao cho nhà nước quản lý. Đến ngày 14/7/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký các sắc lệnh nhằm giảm địa tô 25% so với mức trước Cách mạng tháng Tám; Sắc lệnh số 25/SL ngày 13/02/1950 về sử dụng ruộng đất vắng chủ thời kỳ kháng chiến; Sắc lệnh số 89/SL ngày 22/5/1950 về việc giảm lãi, xóa nợ, hoãn nợ đối với những việc vay mượn trước đây. Đến tháng 3/1952, sắc lệnh của Nhà nước ban hành quy định chia công điền, công thổ cho nông dân nghèo. “*Nếu đời sống của tá điền, trung, bản nông có phần dễ chịu hơn thì đời sống của địa chủ bị sút hẳn xuống*” [12, tr. 66].

Về lĩnh vực trồng trọt, trong kế hoạch phát động sản xuất và tiết kiệm của Bác Hồ (17/3/1952) chú trọng tăng sản lượng lên 10%, đặc biệt là bông, lạc, đỗ tương. Về chăn nuôi phát triển các đàn gia súc, gia cầm, vừa đảm bảo nhu cầu về thịt vừa đảm bảo sức kéo. Trong hai ngày 4/12 và 19/12/1953, Quốc hội bỏ phiếu thông qua một đạo luật về ruộng đất. “*Mọi đất đai của thực dân Pháp và của các địa chủ người Việt không phân biệt, đất công, đàn gia súc và nông cụ, được chia hẳn cho các nông dân nghèo. Các địa chủ không tham gia đấu tranh chống lại kháng chiến sẽ được đền bù trên danh nghĩa nhà nước có thể hoàn lại trong vòng mười năm. Cuối cùng tất cả nợ nông nghiệp đều được xóa bỏ*” [4, tr. 588]. Đây là quyết định sáng suốt nhằm cung cấp tư liệu sản xuất cho nông dân.

Tại Nam Bộ, ruộng đất dư thừa hoặc bị bỏ hoang nhiều năm cũng được chính quyền cách mạng đem cấp phát cho nông dân, miễn thuế cho các vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn hán, lũ lụt, giảm thuế ruộng đất 20%, giảm tô 25% cho tá điền. Chính quyền cách mạng còn giúp đỡ nông dân về vốn, nông cụ, hướng dẫn kỹ thuật canh tác. Sắc lệnh số 18B/SL ngày 31/01/1946 phát hành tiền giấy từ vĩ tuyến 16 trở vào (đến tháng 11 lưu hành trong cả nước). Có thể khẳng định đây là một bước tiên quan trọng trong việc quản lý chặt chẽ hơn nền kinh tế. Đặc biệt là sau Hội nghị Cây Mai (23/9/1945), “*những cuộc bãi công, bãi thị, bãi khóa diễn ra thực hiện bất hợp tác với địch; nhân dân không giương, tủ, bàn, ghé, xe cộ ra đường và hạ cây chắn ngang đường để chặn bước tiến của giặc*” [13, tr. 32]. Phong trào về sản xuất nông nghiệp được phát động và được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ.

Nghị quyết của Đại hội đại biểu Xứ đảng bộ Nam Bộ lần I (từ ngày 16 đến 20/12/1947) tại Mộc Hóa (Long An) chủ trương tổ chức lại sản xuất tự cấp tự túc, khuyến khích trồng tiểu công nghệ, dùng hàng nội địa thay thế hàng ngoại. Giải quyết mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ, giảm địa tô cho nông dân. Ngoài ra, đại hội còn chủ trương lấy đất công điền công thổ và đất đai của địa chủ chạy ra vùng địch chia cho dân cày. Nhân dân Nam Bộ đã thực hiện “*các biện pháp phá hoại nền kinh tế, tài chính của giặc như phong tỏa kinh tế, cấm giấy bạc Pháp, phát hành giấy bạc Việt Nam*” [14, tr. 319]. Chính quyền cách mạng cung cấp cho nông dân hàng nghìn lưỡi cày, cuộc đê tham gia sản xuất. Các trung tâm sửa chữa các nông cụ cũng ra đời khắp vùng ĐBSCL. Do đó, từ năm 1952, bộ đội và nhân dân ĐBSCL đã tự túc được lương thực. Nhà nước còn khuyến khích nông dân trực tiếp sản xuất, khai hoang, tăng vụ, có các ưu đãi cho gia đình tham gia cách mạng.

Ngoài ra ở Nam bộ còn có một số *Hội- Đoàn* hoạt động với sự hỗ trợ của Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ, góp phần đưa nền nông nghiệp ĐBSCL đi vào ổn định, như Hội Nông dân Cứu quốc Nam Bộ và Đoàn phụ nữ Cứu quốc Nam Bộ.

Ở những vùng tự do (độc lập), hàng hóa nông nghiệp tương đối dồi dào, “*những sản vật thiên nhiên như tôm cá, cây trái, gà, vịt, ... khá phong phú. Chỉ những trường hợp đặc biệt, do càn quét, phải lần tránh tạm thời vào những nơi không có khả năng tiếp tế, còn thông thường thì bộ đội, cán bộ, cơ quan vẫn đảm bảo được một mức sinh hoạt vật chất tương đối khá hơn nhiều vùng khác*” [10, 263]. Chính quyền khuyến khích nông dân trồng mía, khoai, đảm bảo mỗi người nuôi một con (gia cầm, gia súc) hay một loại cây ăn trái, mỗi đơn vị có một vườn rau hay một thửa ruộng. Lưu thông hàng hóa trong vùng tự do vẫn đều đặn, giữa vùng tự do với vùng tạm chiếm vẫn diễn ra dù không thường xuyên. Trong hai năm 1947 và 1948, Xứ ủy Nam Bộ đã có chủ trương đem ruộng đất tịch thu của địa chủ là tay sai, thực dân Pháp đem tạm cấp cho nông dân.

Thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng toàn quốc lần II (02/1951), Trung ương Cục miền Nam được thành lập (tháng 3/1951) do Lê Duẩn là Bí thư (sau đó là Đồng chí Lê Đức Thọ). Về kinh tế, Trung ương Cục chủ trương tiếp tục tạm cấp đất cho nông dân, gia tăng sản xuất, tự túc tự cấp, không nhận hàng xa xỉ từ vùng tạm chiếm, thúc đẩy việc phát triển canh nông và kinh tế nông thôn vùng Nam Bộ. Hội nghị về *chính sách kinh tế mới* diễn ra tại xã Tân Duyệt (Bạc Liêu) đã củng cố thêm các phong trào sản xuất, tự cấp tự túc, phát triển các nghề may mặc và chăn nuôi, v.v. Chỉ thị 113/CTX năm 1950 của Xứ ủy tiến hành triệt để và thận trọng hơn trong việc giảm tô, giảm thuê đối với các ruộng tạm cấp cho nông dân. “*Xứ ủy chỉ đạo, trong khi triệt để thì hành giảm tô, giảm tức thì đối với việc tạm cấp ruộng đất phải tiến hành thận trọng, không được hấp tấp và cần có sự mềm dẻo trong thực hiện*” [14, tr. 479].

Thực hiện các Sắc lệnh số 78/SL (năm 1949) của Chính phủ về giảm tô, giảm tức, từ tháng 10/1950, chính quyền cách mạng Nam Bộ tiến hành đo đạc và hợp thức hóa việc tạm cấp ruộng đất cho nông dân. “*Tình cảnh nông dân bị điền chủ bóc lột sức lao động mặc nhiên không còn nữa. Tây Nam bộ có những thành tích rất đặc biệt trong việc vận động điền chủ hiến điền*” [10, tr. 260]. Nhiều tỉnh nhận hàng nghìn ha đất của địa chủ hiến. Cụ thể, “*thống kê tại Cần Thơ, Rạch Giá, Bạc Liêu, Vĩnh Long có tổng cộng 62.048 ha đất hiến, cộng với 52.000 ha đất tịch thu của Pháp và Việt gian ở Cần Thơ và Sóc Trăng*” [14, tr. 480]. Tất cả ruộng đất này đều được chính quyền tạm cấp cho nông dân cày cấy. Các chính sách này đều được duy trì cho đến những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp. Thực hiện chủ trương giảm tô của Nhà nước, người nông dân ĐBSCL được giảm thuế tô từ 25% đến 30% tùy từng vùng.

Chính sách nông nghiệp thời kỳ “kháng chiến và kiến quốc” luôn có những nét đặc biệt. Chính sách này luôn khuyến khích và tạo điều kiện phát triển nông nghiệp, tạo động lực cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài.

3.2. Chính sách nông nghiệp của chính quyền thực dân Pháp ở Nam Bộ giai đoạn 1945-1954

Giống như giai đoạn trước năm 1945, khi Pháp quay lại xâm lược Việt Nam lần hai, Pháp đã thực hiện mưu đồ phá hoại chính quyền cách mạng tại Nam Bộ, âm mưu thôn tính toàn bộ Việt

Nam, chiếm lấy cơ sở hạ tầng và cơ sở kinh tế, đặc biệt là vựa lúa Nam Bộ. “*Thực dân Pháp đã thực thi chính sách giết sạch, đốt sạch, phá sạch tập trung trước hết vào nông nghiệp, nhằm phá hoại cơ sở kinh tế của công cuộc kháng chiến của nhân dân ta*” [15, tr. 97]. Trong chỉ thị gửi d'Argenlieu, Moutet bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại coi Nam Kỳ là cái trục quay thực sự toàn bộ chính sách của Pháp ở Đông Dương. “*d'Argenlieu thì cho rằng Nam Kỳ là chìa khóa của toàn bộ Liên bang Đông Dương trong khối liên hiệp Pháp. “Nam Kỳ là hòn đá tảng” của lâu đài Liên bang Đông Dương*” [16, tr. 132]. Xâm lược Nam Kỳ là để làm bàn đạp tấn công ra Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Do vậy, thực dân Pháp vừa tiến hành xâm lược ra miền Bắc vừa bám chặt và bình định cho được Nam Bộ. “*Theo chúng, Nam Bộ có vị trí chính trị, kinh tế rất quan trọng, nơi dự trữ sức người, sức của cho toàn bộ cuộc chiến tranh, là chìa khóa của mọi kế hoạch chiến lược chinh phục tại Việt Nam và Đông Dương*” [17, tr. 183].

Về kinh tế, chính sách của Pháp thời điểm này là “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, Pháp chú trọng các cơ sở hạ tầng của Sài Gòn, miền Đông và chú ý vơ vét lúa gạo, phá hoại mùa màng ở vùng đồng bằng miền Tây. Trong kế hoạch của tướng Pháp Leclerc là sẽ chiếm trọn Nam Kỳ trong vòng 18 ngày. Cuối năm 1945 lực lượng quân đội kết hợp Anh-Pháp đánh rộng ra các nơi xung quanh Sài Gòn. Đến đầu năm 1946 chúng đánh chiếm Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau, Hà Tiên. Quân Anh lần lượt bàn giao từng vùng cho quân đội Pháp và bắt đầu rút khỏi miền Nam.

Chính Pháp cũng thấy rõ rằng chiến đấu với lực lượng cách mạng Việt Nam là phải kéo dài, không thể sớm kết thúc được. Do vậy, chúng đã cho thi hành các biện pháp cướp bóc kinh tế, nhất là kinh tế nông nghiệp. Chúng một mặt bình định, củng cố những vùng đã chiếm đóng, xúc tiến việc thành lập chính quyền bù nhìn và quân đội tay sai, mặt khác ra sức càn quét, cướp bóc vơ vét kinh tế để phục vụ cho cuộc chiến xâm lược. Tướng Leclerc, lúc bấy giờ là Chỉ huy tối cao quân đội Pháp tại Viễn Đông, luôn chú trọng vấn đề nông nghiệp trong cuộc xâm lược lần hai. Trong cuộc điện đàm với đô đốc d'Argenlieu ngày 8/3/1946 (hai ngày sau khi ký Hiệp định Sơ bộ), trong đó có đoạn: “*Nếu chúng ta biết giữ lấy gạo và cao su Nam Kỳ, cảng Sài Gòn và các cảng Bắc Kỳ thì những người cách mạng Việt Nam nhất định sẽ bắt buộc phải dần dần dịu giọng mà thôi*” [18, tr. 230].

Từ cuối năm 1949 đầu năm 1950, tình hình chính trị Việt Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng có thêm những bất lợi mới do sự công khai can dự từ Hoa Kỳ. “*Mùa xuân năm 1950, sau Trận chiến Sài Gòn, là thời kỳ độc nhất vô nhị trong Chiến tranh Đông Dương, khi chiến thắng có thể cảm nhận được trong tâm tay, như thể bạn đang ở trong tâm tay. Đây là khoảng thời gian ngắn mà người Pháp tin rằng họ sẽ giành chiến thắng ở nước rút: họ chiếm hoàn toàn hai châu thổ Nam Kỳ và Bắc Kỳ*” [17, tr. 277]. Thực dân Pháp một mặt bắn giết các chiến sĩ cách mạng, những thường dân vô tội; mặt khác chúng giết cả gia súc, gia cầm, đốt nhà cửa, thóc lúa, phá hủy đập nước, trường học, bệnh viện, v.v. Mục đích là làm kiệt quệ đời sống ở những vùng kháng chiến. Chẳng hạn như năm 1952, chúng đã cho máy bay bắn phá bờ đê, đập nước nhằm tiêu hủy điều kiện quan trọng nhất của sản xuất nông nghiệp. Pháp còn tiến hành phong tỏa kinh tế toàn bộ miền Tây rộng lớn của Nam Kỳ vì mục tiêu là sự thịnh vượng và lợi ích về thương mại: “*không một tấn gạo nào có thể ra khỏi đó nếu không được phép*” [17, tr. 285].

Giai đoạn 1945-1954, chiến tranh đã chi phối ngày càng lớn những hoạt động kinh tế, thương mại và văn hóa, nói cách khác là những quan hệ này bị phụ thuộc nhiều vào biểu đồ chiến tranh. Hoạt động thương mại của Nam Bộ bị hạn chế, chỉ thực hiện với một số nước châu Á như Singapore, Hongkong, Ấn Độ, Philippines. Ngay cả việc buôn bán trao đổi hàng hóa giữa vùng tự do và tạm chiếm cũng có phần hạn chế do những rào cản từ 2 phía. Các hoạt động sản xuất và mua bán lúa gạo tại Nam Bộ giảm hẳn, chỉ bằng 10% so với giai đoạn trước đó. “*Nếu năm 1938 tỷ lệ xuất-nhập khẩu của Việt Nam là 137% thì thời kỳ 1945-1954 tỷ lệ này là 17%*” [19, tr. 451]. Đến giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, những lời bào chữa cho việc “*không thể để cho thế giới tự do ở Đông Nam Á bị cắt cụt*” [20, tr. 12] của Pháp đã gần như bị phá sản. Tư

tương về “*thế giới phương Tây sẽ rút ruộc thiếc, cao su và lúa gạo ở Nam Kỳ*” [20, tr. 12] đã bị chấm dứt bằng chiến thắng Điện Biên Phủ ở Tây Bắc Việt Nam năm 1954.

3.3. Những tác động từ chính sách nông nghiệp đến tình hình kinh tế-xã hội Nam Bộ giai đoạn 1945-1954

Giai đoạn 1945-1954, Nam Bộ bị lôi cuốn vào “*cuộc chiến tranh gạo*”* với Pháp. Nếu như Pháp thi hành chính sách khai thác kinh tế, vơ vét bóc lột nông nghiệp để phục vụ nhu cầu chiến tranh thì tại các vùng tự do, chủ trương khuyến khích sản xuất nông nghiệp được chính quyền cách mạng tại Nam Bộ phát huy mạnh mẽ. Để phục vụ cho mục đích khai thác, các xưởng dệt và nhà máy chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp cũng đặt dưới sự kiểm soát của Pháp như nước mắm, nhà máy xay xát gạo, nấu rượu, làm đường, v.v. Hàng loạt nhà máy xay xát lúa gạo ra đời lúc đầu ở vùng Chợ Lớn, sau đó là rải rác khắp ĐBSCL. Các công ty sản xuất lúa gạo của Pháp nắm độc quyền về việc thu mua và xuất cảng. “*Một mặt duy trì, khuyến khích, tạo điều kiện cho tư sản Pháp, tư sản địa chủ người Việt Nam, người Hoa khôi phục, đẩy mạnh khai thác cao su và các cây công nghiệp khác ở miền Đông Nam Bộ và lúa gạo ở miền Tây; mặt khác thi hành thủ đoạn phá hoại kinh tế kháng chiến, ngăn chặn đường tiếp tế của lực lượng cách mạng, vơ vét của dân, thực hiện chính sách lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*” [14, tr. 313].

Tại các vùng tự do, cùng với Sắc lệnh ban hành về ruộng đất, chính phủ mới cũng chú ý đến công tác tổ chức sản xuất. Đây là giai đoạn mà nông nghiệp ở Nam Bộ nói riêng và nông nghiệp cả nước nói chung được chú ý phát triển nhiều nhất, tạo ra sự biến chuyển mau lẹ trong đời sống sản xuất trên địa bàn nông thôn. Có thể thấy rõ quyết tâm về việc chăm lo đời sống nhân dân bằng các sắc lệnh giảm tô, giảm thuế vẫn tiếp tục được ban hành. Các sắc lệnh này làm thay đổi rõ rệt đời sống nông dân: “*phần lớn ruộng đất của thực dân Pháp đã bị chính quyền cách mạng tịch thu, đem cho nông dân. Số này lên đến 61,24% tổng số ruộng đất của ở các địa phương*” [21, tr. 71]. Năm 1950 có hai Sắc lệnh liên quan đến vấn đề ruộng đất của địa chủ bỏ hoang, nhà nước trưng thu lại và cấp phát cho nông dân nghèo cày cấy. Giống như đồng chí Lê Duẩn nhận xét: chỉ trong hơn 3 năm kháng chiến, tình hình kinh tế và xã hội ở Nam Bộ đã có nhiều sự chuyển biến mạnh.

Bảng 1. Tình hình sản xuất gạo, cao su (1945-1954)

Năm	Gạo		Cao su	
	Trọng lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu đồng Đông Dương)	Trọng lượng (tấn)	Trị giá (triệu đồng Đông Dương)
1945	44,8	12,4	69	0,2
1946	109,4	88,2	136.979	453
1947	89,6	93,3	51.707	185,8
1948	232,8	451,6	42.066	309
1949	154	304,8	41.535	363,2
1950	134	501,7	52.396	773,6
1951	360,6	886,5	53.575	1.232,2
1953	103	630,2	59.548	866
1954	174,7	769	54.324	823

Nguồn: [22, tr. 39-40].

Bảng số liệu 1 cho thấy, từ năm 1945 đến 1954 nhìn chung sản lượng và giá trị ngành gạo và cao su tăng lên đáng kể. Riêng ngành gạo, sản lượng tăng cao nhất là năm 1951 là 360,6 nghìn tấn so với năm 1945 là 44,8 nghìn tấn (tăng hơn 8 lần) và giá trị tăng từ 12,4 triệu đồng năm 1945 lên 886,5 triệu đồng năm 1951 (tăng hơn 71 lần), trong khi đó ngành sản xuất cao su tăng từ 69 tấn năm 1945 lên cao nhất là 136.979 tấn năm 1946. Tuy nhiên các năm sau đó con số chỉ dao động trên dưới 50.000 tấn, mặc dù vậy trị giá cao su cao nhất là năm 1951 với 1.232,2 triệu đồng so với 0,2 triệu đồng năm 1945.

* Theo cách gọi của Lucien Bodard (1963). *La Guerre D'Indochine, L'humiliation*. Tạm dịch: *Chiến tranh Đông Dương, Sự sỉ nhục*. Nxb. Gallimaed, tr. 285.

Trên khắp các cánh đồng Nam bộ, nhân dân hăng hái sản xuất. Đến năm 1948, tại Nam bộ nông dân đã cày cấy được 2.000.000 ha trong tổng số 2.300.000 ha diện tích (chiếm gần 87%). Sản lượng gạo xuất khẩu luôn đạt cao. Các địa phương có gạo xuất khẩu chủ yếu là ở Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá. Kết quả này có được cũng một phần là sự hưởng ứng Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào “thi đua ái quốc” (ngày 27/3/1948): “Ngành ngành thi đua, ngày ngày thi đua, người người thi đua”. “*Tính từ 1945 đến 1949 nông dân đã được chia 177.000 ha ruộng đất các loại, trong đó ruộng đất của thực dân Pháp là 18.400 ha, ruộng đất của địa chủ là 39.600 ha, ruộng đất công và bán công là 119.000 ha* [5, tr. 64]. Chính sách này tạo điều kiện cho nông dân tham gia sâu vào quá trình sản xuất, đạt được những kết quả khả quan dù trong hoàn cảnh chiến tranh.

Bảng 2. Tình hình sản xuất lúa gạo (1945-1954)

Năm	Diện tích (ha)	Thu hoạch (tấn)
1945	1.715.000	-
1949	1.191.000	1.550.000
1950	1.207.000	1.569.000
1951	-	1.614.000
1952	1.349.000	1.900.000
1953-1954	1.541.000	1.976.000

Nguồn: [23, tr. 116]

Bảng số liệu 2 cho thấy, dù diện tích canh tác của nông dân Nam Bộ chưa tăng (thậm chí giảm) nhưng sản lượng thu hoạch có chiều hướng tăng. Năm 1945, diện tích canh tác là 1.715.000 ha nhưng đến năm 1949 chỉ còn 1.191.000 ha, các năm sau đó có sự dao động nhẹ. Về sản lượng thu hoạch, năm 1949 là 1.550.000 tấn, đến năm 1954 tăng lên 1.976.000 tấn. Điều này minh chứng rằng chính sách nông nghiệp của chính quyền cách mạng tại Nam Bộ phát huy hiệu quả, đời sống nhân dân tăng lên rõ rệt.

Giai đoạn 1951-1955, số lượng địa chủ sở hữu ruộng đất giảm đáng kể. Trước năm 1945, địa chủ chiếm số lượng 3% dân số nhưng lại chiếm hơn 52% tổng số ruộng đất, đến năm 1954 con số này tương ứng là 2,3% và 18%. Đối với các địa chủ lớn hầu hết đã rời bỏ ruộng đất chạy vào vùng Pháp chiếm, Nhà nước đã lấy số ruộng đất đó (kể cả của thực dân Pháp và Việt gian) tạm cấp lại cho nông dân. “*Tính chung cho cả Nam Bộ đến cuối năm 1954 đã chia được 564.547 ha cho 527.163 nhân khẩu. Hầu hết nông dân nghèo ở vùng tự do được lĩnh ruộng đất*” [24, tr. 141].

Một trong những thành tựu quan trọng trong thời kỳ này là chính sách thuế về nông nghiệp, chính quyền cách mạng quy định cụ thể về biểu thuế lũy tiến về sản lượng thu hoạch được dao động từ 6% đến 50% tùy vào đối tượng. Theo đó, biểu thuế này có lợi cho người nông dân lao động, giảm hẳn mức đóng góp của họ nhưng lại tăng mức thuế của địa chủ, phú nông. “*Với biểu thuế suất mới, bản nông chỉ phải đóng từ 5 đến 10%, trung nông 10-20%, còn địa chủ là từ 30 đến 50% sản lượng thu hoạch*” [25, tr.97]. Việc đưa những phương pháp mới vào canh tác cũng thực hiện tốt, sản lượng tăng nhờ phân bón và sự phân công lao động tốt hơn.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1946-1954), chính sách nông nghiệp của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế-xã hội, diện tích đất “*tạm cấp khoảng 450.000 ha ruộng đất cho 900.000 hộ nông dân*” [26, tr. 474]. Đến năm 1954, về cơ bản đã giải quyết được vấn đề ruộng đất cho dân cày, góp phần củng cố khối đoàn kết dân tộc trong đấu tranh chống kẻ thù. “*Nhờ vậy chúng ta vừa đạt mục tiêu người cày có ruộng, vừa giữ vững được sự ổn định ở hậu phương nhằm huy động tối đa sức mạnh tổng hợp vĩ đại của toàn dân để thực hiện thắng lợi khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”*” [25, tr. 30].

4. Kết luận

Giai đoạn 1945-1954, có hai chính sách về nông nghiệp ở Nam Bộ, gồm chính sách vơ vét kinh tế của Pháp ở các vùng tạm chiếm và chủ trương phát triển nông nghiệp của chính quyền cách mạng ở các vùng tự do. Mặc dù chủ trương phát triển nông nghiệp của chính quyền cách

mạng diễn ra trong bối cảnh chiến tranh nhưng nó đã góp phần vào việc ổn định sản xuất, tự túc lương thực phục vụ nhu cầu của nhân dân và cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện với thực dân Pháp. Kết quả là đời sống nông thôn Nam Bộ có nhiều thay đổi, sản xuất nông nghiệp được khuyến khích đáp ứng yêu cầu đời sống và kháng chiến. Đây là sự kết hợp tài tình và hiệu quả của quá trình phát huy sức mạnh kinh tế nông nghiệp-nông thôn-nông dân với phong trào đấu tranh của dân tộc, góp phần vào chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. Đồng thời, các sắc lệnh về nông nghiệp này còn là cơ sở và nền tảng cho quá trình nghiên cứu, áp dụng trong các giai đoạn từ sau 1954 ở Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm sáng tỏ những tác động của chính sách nông nghiệp đối với nền kinh tế - xã hội Nam Bộ giai đoạn 1945-1954, mà còn giúp hiểu rõ hơn về vai trò của nông dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Những phát hiện từ nghiên cứu này cũng mang ý nghĩa thực tiễn, cung cấp bài học lịch sử quan trọng cho việc xây dựng và thực thi các chính sách nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Stanford Research Institute, *Land reform in Viet Nam*, vol. 1, California Publishing House, USA, 1968.
- [2] Prosterman and L. Roy, "Land Reform in South Vietnam A Proposal for Turning the Tables on the Viet Cong," *Cornell Law Review*, vol. 53, no. 1, pp. 26-44, 1967.
- [3] Q. H. Lam, *The Land Revolution in South Vietnam*. Hanoi: Social Science Publishing House, 1997.
- [4] T. K. Le, *L'économie de l'Asie du Sud-Est*, Paris: Paris Publishing House, 1964.
- [5] V. S. Vo, *Land issues in the Mekong Delta of Vietnam (1954-1975)*, Ho Chi Minh City: National University Publishing House of Ho Chi Minh City, 2011.
- [6] M. Salter, "The Broadening Base of Land Reform in South Vietnam," *Asian Survey*, vol. 10, no. 8, pp. 724-737, 1941.
- [7] A. J. Gawthorpe, "Modernization, Agricultural Economics, and U.S Policy towards Land Reform in South Vietnam," *The international history review*, vol. 44, no. 2, pp. 282-299, 2022.
- [8] Edwin E. Moise, "Land Reform and Land Reform Errors in North Vietnam," *Pacific Affairs*, Spring, vol. 49, no. 1, pp. 70-92, 1976.
- [9] T. P. Dang, "Land ownership regime in Vietnam in history and present," *Vietnam Journal of Social Sciences*, vol. 12, no. 85, pp.79-86, 2014.
- [10] H. H. Nguyen, P. Dargusch, P. Moss, and D. B. Tran, "A review of the drivers of 200 years of wetland degradation in the Mekong Delta of Vietnam," *Regional Environmental Change*, vol. 16, no. 8, pp. 2303-2315, 2016.
- [11] D. Biggs, F. Miller, C. T. Hoanh, and F. Molle, "The delta machine: water management in the Vietnamese Mekong Delta in historical and contemporary perspectives," In: *Molle F, Foran T, Kakonen M (eds) Contested waterscapes in the Mekong region: hydropower, livelihoods and governance*. Earthscan, London, pp. 203-225, 2009.
- [12] D. Le, *The proletariat with the peasant problem in the Vietnamese revolution*, Hanoi: Truth Publishing House, 1965.
- [13] M. H. Ha, *Southern Vietnam 1945-1975, perspectives from the history of the Vietnamese revolutionary war*, Ho Chi Minh City: National University Publishing House of Ho Chi Minh City, 2008.
- [14] Directing Council for compiling History of Southern Resistance, *History of Southern Resistance*, vol. 1, 1945-1954, Hanoi: National Political Publishing House, 2010.
- [15] V. L. Chu, *45 years of Vietnam's economy (1945-1990)*, Hanoi: Social Science Publishing House, 1990.
- [16] Vietnam Military History Institute, *History of the resistance war against the French colonialists 1945-1954*, vol. 1, Hanoi: People's Army Publishing House, 1994.
- [17] B. Lucien, *La Guerre D'Indochine, L'humiliation*. Paris: Gallimaed Publishing House, 1963.
- [18] D. Philippe, *Paris Saigon Hanoi archives of the war 1944-1947*, Translation by Hoang Huu Dan (in Vietnamese), Ho Chi Minh City: General Publishing House of Ho Chi Minh City, 1993.
- [19] V. S. Vo, *Southern land, the process of formation and development*, Hanoi: National Political Publishing House, 2017.
- [20] D. Philippe, *La Fin d'une guerre, Indochine 1954*, Seuil Publishing House, 1960.
- [21] P. Tran et al, *Land Revolution in Vietnam*, Hanoi: Social Science Publishing House, 1968.

-
- [22] D. T. Le, *Agricultural Economy of the Republic of Vietnam (1955-1975)*, Hanoi: Social Sciences Publishing House, 2020.
- [23] T. V. Pham, *Some Aspects of the U.S. Imperialist Infiltration into Vietnam*. Hanoi: Truth Publishing House, 1958.
- [24] N. M. Nguyen et al, *Vietnam's economy from the August Revolution to the victorious resistance (1945-1954)*, Hanoi: Scientific publishing house, 1996.
- [25] V. K. Phan, “Southern administrative resistance committee during the years of resistance against the French”, many authors, *The Southern Administrative Resistance Committee*, Ho Chi Minh City: Orient Publishing House, 2016.
- [26] Editorial Board History of the Southwestern Resistance, *History of the Southwestern Resistance*, vol. 1, 1945-1954, Hanoi: National Political Publishing House, 2008.